

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN XÃ DIỄN THỊNH, HUYỆN DIỄN CHÂU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m <sup>2</sup> )	Mức giá điều chỉnh (đ/m <sup>2</sup> )
		Từ	Đến		
<b>I</b>	<b>XÃ DIỄN THỊNH</b>				
<b>A</b>	<b>CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẶT TÊN</b>				
<b>I</b>	<b>Quốc lộ 1A đoạn qua xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu</b>				
<b>1</b>	<b>Quốc lộ 1A</b>	<b>Nghĩa địa xóm Minh Đức (xóm 15 cũ)</b>	<b>Ngã ba chợ Sy Nam</b>		
1.1	Quốc lộ 1A	Từ thửa 675, tờ bản đồ số 12	Đến thửa 794, tờ bản đồ số 12	6.000.000	17.000.000
1.2	Quốc lộ 1A	Từ thửa 111, tờ bản đồ số 30	Đến thửa 287, tờ bản đồ số 30	6.000.000	17.000.000
1.3	Quốc lộ 1A	Từ thửa 7, tờ bản đồ số 33	Đến thửa 232, tờ bản đồ số 33	6.000.000	17.000.000
<b>2</b>	<b>Quốc lộ 1A</b>	<b>Ngã ba chợ Sy Nam</b>	<b>Cao Đức Bốn</b>		
2.1	Quốc lộ 1A	Từ thửa 3, tờ bản đồ số 14	Đến thửa 27, tờ bản đồ số 14	6.000.000	20.000.000
2.2	Quốc lộ 1A	Từ thửa 1, tờ bản đồ số 15	Đến thửa 79, tờ bản đồ số 15	6.000.000	20.000.000
2.3	Quốc lộ 1A	Từ thửa 1, tờ bản đồ số 20	Đến thửa 30, tờ bản đồ số 20	8.000.000	20.000.000
2.4	Quốc lộ 1A	Từ thửa 128, tờ bản đồ số 16	Từ thửa 129, tờ bản đồ số 16		20.000.000
<b>II</b>	<b>Đường huyện 265</b>	<b>Ngã 3 Chợ si Nam</b>	<b>Diễn Lộc</b>		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m <sup>2</sup> )	Mức giá điều chỉnh (đ/m <sup>2</sup> )
		Từ	Đến		
1	Từ Diễn Thịnh - Diễn Lợi	Từ thửa số 101, tờ bản đồ số 30	Đến thửa số 166, tờ bản đồ số 30	4.500.000	10.000.000
<b>III</b>	<b>Đường liên xã</b>	<b>Quốc lộ 1A (Thành trung Kiên)</b>	<b>Diễn Tân</b>		
1	Từ Diễn Thịnh đi Diễn Tân	Từ thửa số 27, tờ bản đồ số 16	Từ thửa số 52, tờ bản đồ số 16	4.500.000	10.000.000
<b>B</b>	<b>CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRỰC CHÍNH</b>				
	<b>Đường trực chính</b>	<b>Từ chợ cóc</b>	<b>Đến Văn Tư</b>		
1	Đường từ Xóm Nam Thịnh (xóm 1 cũ đi xóm xóm 5 cũ)	Từ thửa 49 tờ bản đồ số 20	Đến 67 tờ bản đồ số 20	3.000.000	6.000.000
2	Đường từ Xóm Nam Thịnh (xóm 1 cũ đi xóm xóm 5 cũ)	Từ thửa 12, tờ bản đồ số 21	Đến thửa 83 tờ bản đồ số 21	3.000.000	6.000.000
	<b>Đường trực chính</b>	<b>Từ cây xăng Hồng phúc</b>	<b>Đến nhà Thờ giáo</b>		
1	Đường GTNT Xóm Đức Hậu (xóm 9b cũ đến xóm xóm 11b cũ)	Từ thửa 284, tờ bản đồ số 23	Đến thửa 291, tờ bản đồ số 23	3.000.000	6.000.000
2	Đường GTNT xóm Đức Hậu (xóm 9b cũ đến xóm xóm 11b cũ)	Từ thửa 326, tờ bản đồ số 24	Từ thửa 361, tờ bản đồ số 24	3.000.000	6.000.000
3	Đường GTNT xóm Đức Hậu (xóm 9b cũ đến xóm xóm 11b cũ)	Từ thửa 109, tờ bản đồ số 25	Từ thửa 126, tờ bản đồ số 25	3.000.000	6.000.000
<b>B</b>	<b>CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI TẠI CÁC KHỐI (XÓM, LÀNG)</b>				
<b>1</b>	<b>Đường GTNT xóm Nam Thịnh</b>	<b>Từ Nguyễn Thị Dung</b>	<b>Đến Cao Đức Tư</b>		
1.1	Đường GTNT xóm Nam Thịnh (xóm 1,2 cũ)	Từ thửa 131, tờ bản đồ số 17	Đến thửa 274, tờ bản đồ số 17	2.000.000	3.000.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m <sup>2</sup> )	Mức giá điều chỉnh (đ/m <sup>2</sup> )
		Từ	Đến		
1.2	Đường GTNT xóm Nam Thịnh (xóm 1,2 cũ)	Từ thửa 1144, tờ bản đồ số 5	Đến thửa 1160, tờ bản đồ số 5	2.000.000	3.000.000
1.3	Đường GTNT xóm Nam Thịnh (xóm 1,2 cũ)	Từ thửa 73, tờ bản đồ số 20	Đến thửa 258, tờ bản đồ số 20	2.000.000	3.000.000
1.4	Đường GTNT xóm Nam Thịnh (xóm 1,2 cũ)	Từ thửa 7, tờ bản đồ số 23	Đến thửa 48, tờ bản đồ số 23	2.000.000	3.000.000
<b>2</b>	<b>Đường GTNT xóm Bắc Thịnh Mỹ</b>	<b>Công chào xóm 3</b>	<b>Lê Quân</b>		
2.1	Đường GTNT xóm Thịnh Mỹ (xóm 3 cũ)	Từ thửa 24, tờ bản đồ số 17	Đến thửa 59, tờ bản đồ số 17	2.500.000	3.000.000
2.2	Đường GTNT xóm Thịnh Mỹ (xóm 3 cũ)	Từ thửa 94, tờ bản đồ số 1	Đến thửa 96, tờ bản đồ số 1	2.500.000	3.000.000
	<b>Đường GTNT xóm Bắc Thịnh Mỹ</b>	<b>Từ Hoàng Linh</b>	<b>Đến Cao Thị Lạng</b>		
2.3	Đường GTNT xóm Bắc Thịnh Mỹ (xóm 3 cũ)	Từ thửa 3, tờ bản đồ số 15	Đến thửa 75, tờ bản đồ số 15	2.000.000	3.000.000
2.4	Đường GTNT xóm Bắc Thịnh Mỹ (xóm 3 cũ)	Từ thửa 2, tờ bản đồ số 17	Đến thửa 99, tờ bản đồ số 17	2.000.000	3.000.000
<b>3</b>	<b>Đường GTNT Xóm Thịnh Mỹ</b>	<b>Từ Bùi Công Vọ</b>	<b>Đến Trần Xuân Gia</b>		
3.1	Đường GTNT Xóm Thịnh Mỹ (xóm 4 cũ)	Từ thửa 1, tờ bản đồ số 18	Đến thửa 113, tờ bản đồ số 18	1.500.000	3.000.000
	<b>Đường GTNT Xóm Thịnh Mỹ</b>	<b>Từ Hoàng Mai Xuyên</b>	<b>Đến Cao Viết Vân</b>		
3.2	Đường GTNT Xóm Thịnh Mỹ (xóm 5 cũ)	Từ thửa 52, tờ bản đồ số 18	Đến thửa 161, tờ bản đồ số 18	1.500.000	3.000.000
3.3	Đường GTNT Xóm Thịnh Mỹ (xóm 5 cũ)	Từ thửa 1 tờ bản đồ số 21	Đến thửa 80, tờ bản đồ số 21	1.500.000	3.000.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m <sup>2</sup> )	Mức giá điều chỉnh (đ/m <sup>2</sup> )
		Từ	Đến		
<b>4</b>	<b>Đường GTNT Xóm Vinh Quang</b>	<b>Từ Cao Đức Trung</b>	<b>Đến Cao Đức Hai</b>		
4.1	Đường GTNT Xóm Vinh Quang (xóm 6 cũ)	Từ thửa 41 tờ bản đồ số 16	Đến thửa 122, tờ bản đồ số 16	2.000.000	3.000.000
4.2	Đường GTNT Xóm Vinh Quang (xóm 6 cũ)	Từ thửa 1 tờ bản đồ số 19	Đến thửa 106, tờ bản đồ số 19	2.000.000	3.000.000
4.3	Đường GTNT Xóm Vinh Quang (xóm 6 cũ)	Từ thửa 20 tờ bản đồ số 20	Đến thửa 151, tờ bản đồ số 20	2.000.000	3.000.000
	<b>Đường GTNT Xóm Vinh Quang</b>	<b>Từ cổng chào xóm Vinh Quang (xóm 6 cũ)</b>	<b>Giáp Diễn Tân</b>		
4.4	Đường GTNT Xóm Vinh Quang (xóm 6 cũ)	Từ thửa 58 tờ bản đồ số 20	Đến thửa 114, tờ bản đồ số 19	2.000.000	3.000.000
<b>5</b>	<b>Đường GTNT Xóm Đức Vinh</b>	<b>Từ Hoàng Văn Tâm</b>	<b>Đến Võ Thanh</b>		
5.1	Đường GTNT Xóm Đức Vinh (xóm 7 cũ)	Từ thửa 121 tờ bản đồ số 19	Đến thửa 159 tờ bản đồ số 19	2.000.000	3.000.000
5.2	Đường GTNT Xóm Đức Vinh (xóm 7 cũ)	Từ thửa 160 tờ bản đồ số 20	Đến thửa 256 tờ bản đồ số 20	2.000.000	3.000.000
5.3	Đường GTNT Xóm Đức Vinh (xóm 7 cũ)	Từ thửa 1 tờ bản đồ số 22	Đến thửa 12 tờ bản đồ số 22	2.000.000	3.000.000
5.4	Đường GTNT Xóm Đức Vinh (xóm 7 cũ)	Từ thửa 1 tờ bản đồ số 23	Đến thửa 299 tờ bản đồ số 23	2.000.000	3.000.000
	<b>Đường GTNT Xóm Đức Vinh</b>	<b>Từ Võ Đình Mai</b>	<b>Đến A. Thuận</b>		
5.5.	Đường GTNT Xóm Đức Vinh (xóm 8 cũ)	Từ thửa 13 tờ bản đồ số 22	Đến thửa 88 tờ bản đồ số 22	2.000.000	3.000.000
5.6	Đường GTNT Xóm Đức Vinh (xóm 8 cũ)	Từ thửa 1 tờ bản đồ số 26	Đến thửa 99 tờ bản đồ số 26	2.000.000	3.000.000
<b>6</b>	<b>Đường GTNT Xóm Đức Hậu</b>	<b>Từ Hoàng Sáu</b>	<b>Đến Hoàng Uy</b>		
6.1	Đường GTNT Xóm Đức Hậu (Xóm 9A cũ)	Từ thửa 54 tờ bản đồ số 23	Đến thửa 281 tờ bản đồ số 23	2.000.000	3.000.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m <sup>2</sup> )	Mức giá điều chỉnh (đ/m <sup>2</sup> )
		Từ	Đến		
6.2	Đường GTNT Xóm Đức Hậu (Xóm 9B cũ)	Từ thửa 1 tờ bản đồ số 24	Đến thửa 226 tờ bản đồ số 24	2.000.000	3.000.000
	<b>Đường GTNT Xóm Đức Hậu</b>	<b>Từ Cổng chào xóm 9A</b>	<b>Hoàng Toàn</b>		
6.3	Đường GTNT Xóm Đức Hậu (Xóm 9A,9B cũ)	Từ thửa 160, tờ bản đồ số 23	Đến thửa 185, tờ bản đồ số 23	1.500.000	3.000.000
6.4	Đường GTNT Xóm Đức Hậu (Xóm 9A,9B cũ)	Từ thửa 75, tờ bản đồ số 24	Đến thửa 368, tờ bản đồ số 24	1.500.000	3.000.000
<b>7</b>	<b>Đường GTNT Xóm Trung Tân</b>	<b>Từ Nguyễn Thị Chi</b>	<b>Đến Hoàng Tùng</b>		
7.1	Đường GTNT Xóm Trung Tân (xóm 10 cũ)	Từ thửa 228 tờ bản đồ số 28	Đến thửa 273 tờ bản đồ số 28	1.500.000	3.000.000
7.2	Đường GTNT Xóm Trung Tân (xóm 10 cũ)	Từ thửa 1 tờ bản đồ số 29	Đến thửa 20 tờ bản đồ số 29	1.500.000	3.000.000
7.3	Đường GTNT Xóm Trung Tân (xóm 10 cũ)	Từ thửa 22 tờ bản đồ số 21	Đến thửa 110 tờ bản đồ số 21	1.500.000	3.000.000
7.4	Đường GTNT Xóm Trung Tân (xóm 10 cũ)	Từ thửa 01 tờ bản đồ số 31	Đến thửa 2 tờ bản đồ số 31	1.500.000	3.000.000
<b>8</b>	<b>Đường GTNT Xóm Trung Song</b>	<b>Từ Hoàng Thường</b>	<b>Đến Trần Lâm</b>		
8.1	Đường GTNT Xóm Trung Song (xóm 11A cũ)	Từ thửa 01 tờ bản đồ số 28	Đến thửa 277 tờ bản đồ số 28	2.500.000	3.000.000
	<b>Đường GTNT Xóm Trung Song</b>	<b>Từ Cao Hưng</b>	<b>Đến Cao Tuấn</b>		
8.2	Đường GTNT xóm Trung Song (xóm 11B cũ)	Từ thửa 227 tờ bản đồ số 24	Đến thửa 301 tờ bản đồ số 24	2.000.000	3.000.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m <sup>2</sup> )	Mức giá điều chỉnh (đ/m <sup>2</sup> )
		Từ	Đến		
8.3	Đường GTNT Xóm Trung Song (xóm 11B cũ)	Từ thửa 77 tờ bản đồ số 25	Đến thửa 105 tờ bản đồ số 25	2.000.000	3.000.000
<b>9</b>	<b>Đường GTNT Xóm Tân Phúc</b>	<b>Từ Cao Hưng</b>	<b>Đến Cao Tuấn</b>		
9.1	Đường GTNT Xóm Tân Phúc (xóm 12 cũ)	Từ thửa 13 tờ bản đồ số 27	Đến thửa 222 tờ bản đồ số 27	2.000.000	3.000.000
9.2	Đường GTNT Xóm Tân Phúc (xóm 12 cũ)	Từ thửa 01 tờ bản đồ số 30	Đến thửa 98 tờ bản đồ số 30	2.000.000	3.000.000
	<b>Đường GTNT Xóm Tân Phúc</b>	<b>Từ Cao Dũng</b>	<b>Đến Cao Khắc Ba</b>		
9.3	Đường GTNT Xóm Tân Phúc (xóm 13 cũ)	Từ thửa 10 tờ bản đồ số 30	Đến thửa 173 tờ bản đồ số 30	2.000.000	3.000.000
9.4	Đường GTNT Xóm Tân Phúc (xóm 13 cũ)	Từ thửa 100 tờ bản đồ số 27	Đến thửa 227 tờ bản đồ số 27	2.000.000	3.000.000
	<b>Đường GTNT Xóm Tân Phúc</b>	<b>Từ Cao Văn Toàn</b>	<b>Đến Cao Xuân Lộc</b>		
9.5	Đường GTNT Xóm Tân Phúc (xóm 14 cũ)	Từ thửa 65 tờ bản đồ số 30	Đến thửa 382 tờ bản đồ số 30	2.500.000	3.000.000
	<b>Đường GTNT Xóm Tân Phúc</b>	<b>Cổng chào Xóm Trung Tân (xóm 10 cũ)</b>	<b>Đến cổng chào xóm Tân Phúc (xóm 14 cũ)</b>		
9.6	Đường GTNT Xóm Tân Phúc (xóm 14 cũ đi xóm xóm 10,16 cũ)	Từ thửa 107, tờ bản đồ số 29	Đến thửa 112, tờ bản đồ số 29	2.500.000	3.000.000
9.7	Đường GTNT Xóm Tân Phúc (xóm 14 cũ đi xóm 10,16 cũ),	Từ thửa 130, tờ bản đồ số 30	Đến thửa 178, tờ bản đồ số 30	2.500.000	3.000.000
9.8	Đường GTNT Xóm Tân Phúc (xóm 14 cũ đi xóm xóm 10,16 cũ)	Từ thửa 3, tờ bản đồ số 31	Từ thửa 23, tờ bản đồ số 31	2.500.000	3.000.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m <sup>2</sup> )	Mức giá điều chỉnh (đ/m <sup>2</sup> )
		Từ	Đến		
9.9	Đường GTNT Xóm Tân Phúc (xóm 14 cũ đi xóm xóm 10,16 cũ)	Từ thửa 1, tờ bản đồ số 32	Đến thửa 3, tờ bản đồ số 32	2.500.000	3.000.000
	<b>Đường GTNT Xóm Tân Phúc</b>	<b>Từ Trần Văn Dung (xóm Tân Phúc)</b>	<b>Công chào Đồng Tâm (xóm 17 cũ)</b>		
9.10	Đường GTNT Xóm Tân Phúc (xóm 14 cũ đi xóm 17 cũ)	Từ thửa 313, tờ bản đồ số 30	Từ thửa 324, tờ bản đồ số 30	2.500.000	3.000.000
9.11	Đường GTNT Xóm Tân Phúc (xóm 14 cũ đi xóm xóm 17 cũ)	Từ thửa 84, tờ bản đồ số 31	Từ thửa 95, tờ bản đồ số 31	2.500.000	3.000.000
9.12	Đường GTNT Xóm Tân Phúc (xóm 14 cũ đi xóm 17 cũ)	Từ thửa 175, tờ bản đồ số 32	Từ thửa 216, tờ bản đồ số 32	2.500.000	3.000.000
<b>10</b>	<b>Đường GTNT Xóm Minh Đức</b>	<b>Công chào xóm 15</b>	<b>Đến Hoàng Quế</b>		
10.1	Đường GTNT Xóm Minh Đức (xóm 15, 20 cũ)	Từ thửa 3, tờ bản đồ số 33	Đến thửa 38, tờ bản đồ số 33	1.500.000	3.000.000
	<b>Đường GTNT Xóm Minh Đức</b>	<b>Từ Đậu Thị Chuyên</b>	<b>Đậu Phan Thị Khuyên</b>		
10.2	Đường GTNT Xóm Minh Đức (xóm 15 cũ)	Từ thửa 267 tờ bản đồ số 30	Đến thửa 360 tờ bản đồ số 30	2.000.000	3.000.000
10.3	Đường GTNT Xóm Minh Đức (xóm 15 cũ)	Từ thửa 4 tờ bản đồ số 33	Đến thửa 231 tờ bản đồ số 33	2.000.000	3.000.000
	<b>Đường GTNT Xóm Minh Đức</b>	<b>Từ Hoàng Hảo</b>	<b>Đến Hoàng Kỳ</b>		
10.4	Đường GTNT Xóm Minh Đức (xóm 20 cũ)	Từ thửa 229 tờ bản đồ số 30	Đến thửa 372 tờ bản đồ số 30	1.500.000	3.000.000
10.5	Đường GTNT Xóm Minh Đức (xóm 20 cũ)	Từ thửa 1 tờ bản đồ số 33	Đến thửa 223 tờ bản đồ số 33	1.500.000	3.000.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m <sup>2</sup> )	Mức giá điều chỉnh (đ/m <sup>2</sup> )
		Từ	Đến		
<b>11</b>	<b>Đường GTNT Xóm Đồng Tâm</b>	<b>Từ Trương Tư</b>	<b>Đến Cao Đa</b>		
11.1	Đường GTNT Xóm Đồng Tâm (xóm 16 cũ)	Từ thửa 22 tờ bản đồ số 31	Đến thửa 41 tờ bản đồ số 31	2.500.000	3.000.000
11.2	Đường GTNT Xóm Đồng Tâm (xóm 16 cũ)	Từ thửa 12 tờ bản đồ số 32	Đến thửa 177 tờ bản đồ số 32	2.500.000	3.000.000
<b>11.3</b>	<b>Đường GTNT Xóm Đồng Tâm</b>	<b>Từ Đậu Thiện</b>	<b>Đến Cao H. Quang</b>		
11.4	Đường GTNT Xóm Đồng Tâm (xóm 17 cũ)	Từ thửa 45 tờ bản đồ số 31	Đến thửa 121 tờ bản đồ số 31	2.500.000	3.000.000
11.5	Đường GTNT Xóm Đồng Tâm (xóm 17 cũ)	Từ thửa 229 tờ bản đồ số 32	Đến thửa 364 tờ bản đồ số 32	2.500.000	3.000.000
<b>12</b>	<b>Đường GTNT Xóm Quyết Tâm</b>	<b>Từ Phan Thị Túc</b>	<b>Đến Đặng Thị Ngọc</b>		
12.1	Đường GTNT Xóm Đồng Tâm (xóm 18 cũ)	Từ thửa 243 tờ bản đồ số 32	Đến thửa 388 tờ bản đồ số 32	2.500.000	3.000.000
12.2	Đường GTNT Xóm Đồng Tâm (xóm 18 cũ)	Từ thửa 1 tờ bản đồ số 34	Đến thửa 85 tờ bản đồ số 34	2.500.000	3.000.000
C	Các khu đất, thửa đất còn lại trên địa bàn xã đã được nhà nước cho thuê đất và đất ở của hộ gia đình, cá nhân có vị trí tương đương hoặc kém thuận lợi hơn so với vị trí có mức giá thấp nhất nêu trên			2.500.000	3.000.000